TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2017/DS-ST
Ngày 23-11-2017
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Ông Vũ Duy Luận.
- *Các hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Văn Mạnh – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão – Phó chủ tịch Công đoàn huyện Cư M'gar.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa 36/2017/QĐST-DS ngày 03/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị S (có mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện C, tỉnh Đăk Lăk
Bị đơn: Bà Trần Thị B (có mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố M, Thị trấn Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết và có nhu cầu vay tiền nên vào 01/01/2015 (al) bà Trần Thị B có vay của tôi số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn) khi vay bà B hẹn hai tháng sau tức vào ngày 01/3/2015 (al) trả hết số tiền gốc và lãi. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 20.000đ/1 triệu/tháng. Tiếp đến ngày 20/2/2015 (al) bà B tiếp tục hỏi vay của tôi số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) lãi suất vẫn thỏa thuận như cũ. Bà B hẹn hai tháng sau tức vào ngày 24/4/2015 (al) thì sẽ trả hết số tiền trên. Tiếp đến ngày 21/3/2015 (al) bà B lại vay

tiếp của tôi số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng chẵn) hẹn một tháng sau, tức vào ngày 21/4/2015 (al) thì sẽ trả hết số tiền trên, lãi suất vẫn theo thỏa thuận cũ. Đến hẹn bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tôi cũng đã nhiều lần đến nhà bà B yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ nhưng bà vẫn chây ì. Đến nay, bà B vẫn chưa trả cho tôi số tiền gốc và khoản lãi nào. Nay tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị B phải trả cho tôi số tiền 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn) và lãi suất tổng cộng của ba khoản vay trên là 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng chẵn).

Trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn bà Trần Thị B vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc không có lý do. Tại phiên tòa, bà B thừa nhận có mượn của bà Lê Thị S tổng số tiền 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn), khi vay các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Nay vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà chưa có điều kiện trả hết cho bà S. Về lãi suất, bà đã trả được 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn) vào cuối năm 2016, đến năm 2017 thì bà chưa trả lãi và gốc khoản nào. Về lãi suất bà không đồng ý với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà S.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không có quyết định gia hạn thời hạn xét xử vụ án.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng nguyên đơn chưa chấp hành đúng nội quy của phiên tòa.

Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chưa chấp hành đúng với nội quy phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 290, Điều 298, Điều 471, Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S.

- Buộc bà Trần Thị B có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị S số tiền 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là "giấy vay tiền" giữa bà Lê Thị S và bà Trần Thị B thể hiện bà Trần Thị B vay của bà S tổng số tiền là 135.000.000đ trong các lần vay ngày 01/01/2015 (al) tức ngày 19/02/2015 (dương lịch) là 50.000.000đ, ngày 20/02/2015 (al) tức ngày 08/4/2015 dương lịch với số tiền 10.000.000đ và ngày 21/3/2015 (al) tức ngày 09/5/2015 dương lịch với số tiền 75.000.000đ. Quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị B vắng mặt tại các buổi làm việc. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đứng tên bà Trần Thị B trong giấy vay tiền đề "*ngày 23 tháng 3 âm 2015*". Theo kết luận giám định số 492/PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: "Chữ viết đứng tên Trần Thị B trong tài liệu cần giám định là giấy vay tiền so với mẫu so sánh là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là do bà Trần Thị B viết ra". Tại phiên tòa, bà Trần Thị B thừa nhận có vay của bà Lê Thị S tổng số tiền ba lần vay là 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng), không có thỏa thuận về thời gian trả nợ.

Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định bà Trần Thị B vay của bà Lê Thị S tổng cộng số tiền số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn), khi vay các bên không thỏa thuận gì về thời hạn trả nợ, khi nào có thì trả.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị B chưa thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền vay gốc và tiền lãi cho bà S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, cần chấp yêu cầu trả khoản tiền vay gốc của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc là 135.000.000đ cho bà Lê Thị S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Theo giấy vay tiền lập ngày 01/01/2015 (al) tức ngày 19/02/2015 (dương lịch), ngày 20/02/2015 (al) tức ngày 08/4/2015 dương lịch, ngày 21/3/2015 (al) tức ngày 09/5/2015 dương lịch các bên không thỏa thuận về lãi suất. Theo lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị S thì khi lập hợp đồng vay mượn với nhau các bên chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 20.000đ/1 triệu/1 tháng nhưng không thể hiện vào giấy vay. Bà B yêu cầu tính lãi suất của các khoản vay ngày 21/3/2015 al tính từ ngày 21/3/2015 al đến ngày 18/4/2017 (ngày khởi kiện) là 11.000.000đ (mười một triệu đồng chẵn); khoản vay ngày 01/01/2015 al đến ngày đến ngày 18/4/2017 (ngày khởi kiện) là 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng chẵn) và khoản vay ngày 20/02/2015 al đến ngày đến ngày 18/4/2017 (ngày khởi kiện) là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn). Tổng số tiền lãi là 23.000.000 đ (hai mươi ba triệu đồng) và tiếp tục tính lãi suất là 0.75%/ tháng theo lãi suất của ngân hàng cho đến khi bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Thời gian trả nợ cho các khoản vay chỉ từ một đến hai tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên bà S không có chứng cứ gì để chứng minh về yêu cầu tính lãi trên và theo giấy vay tiền cũng không thể hiện nội dung gì về lãi suất vì vậy yêu cầu tính lãi của bà S là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà S và bà B đều thừa nhận bà B đã trả cho bà S số tiền lãi là 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn), bà B cũng không thừa nhận lãi suất như nguyên đơn yêu cầu. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi suất từ khi khởi kiện tức ngày 18/4/2017 cho đến khi bà Trần Thị B trả nợ hết số nợ trên theo lãi suất quy định của ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm khấu trừ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) bà B đã trả trước đó. Số tiền lãi tính từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử là: (8 tháng 26 ngày x 0,75%/tháng x 135.000.000đ) – 5.000.000đ = 3.975.500 đồng. (làm tròn 3.976.000đ)

[4].

- Về án phí: Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị B phải chịu án theo quy định của pháp luật: (135.000.000đ + 3.976.000đ) x 5% = 6.948.800đ (làm tròn 6.949.000đ) (sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn).

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận như sau: (158.000.000đ – 135.000.000đ – 3.976.000đ) x 5% = 951.200đ (làm tròn 951.000đ).

- Về các chi phí giám định:

Do yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị S là có cơ sở nên bị đơn bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 4.680.000đ (bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S;

Buộc Trần Thị B phải trả cho bà Lê Thị S số tiền là 138.976.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn). Trong đó: tiền nợ gốc là 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn) và lãi phát sinh là 3.976.000 đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 19.024.000đ trong yêu cầu lãi 23.000.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: bà Trần Thị B phải chịu 6.949.000đ (sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị S phải chịu 951.000đ (chín trăm năm mươi mốt nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 3.950.000đ (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0042220 ngày 25/4/2017. Bà Lê Thị S được nhận lại 2.999.000đ (hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về các chi phí giám định: Bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị S số tiền 4.680.000 (bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật THADS"

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

VŨ DUY LUẬN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- THADS huyện;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT;